

Số: 358 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác
Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 278/SNV-CCHC ngày 07/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2018 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh);

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu các đơn vị, địa phương; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính;

- Nâng cao ý thức, tinh thần, thái độ, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp của tỉnh;

- Nhân rộng, phát huy những mô hình mới, điển hình, thực sự hiệu quả về CCHC; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác CCHC của tỉnh;

- Thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá, xếp hạng chỉ số CCHC năm 2018 đối với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra phải nghiêm túc, khách quan, chính xác, không cản trở hoạt động thường xuyên của cơ quan, địa phương được kiểm tra; nội dung kiểm tra bám sát các quy định về CCHC của Chính phủ và của tỉnh. Sau kiểm tra phải kết luận, đánh giá mặt mạnh, yếu và kiến nghị hướng xử lý các sai phạm trong lĩnh vực kiểm tra. Những kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được các cơ quan, địa phương thực hiện nghiêm túc và báo cáo kết quả khắc phục, chấn chỉnh. Trong trường hợp cần thiết có thể thực hiện phúc tra để kiểm tra việc thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra.

- Các đơn vị, địa phương được kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với Đoàn kiểm tra, cung cấp đầy đủ thông tin và hồ sơ theo yêu cầu kiểm tra.

II. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Hình thức kiểm tra

1.1. Kiểm tra theo kế hoạch: Kiểm tra trực tiếp và kiểm tra thông qua báo cáo kết quả tự kiểm tra của các đơn vị, địa phương (có thông báo đề cương báo cáo và thời gian, đối tượng kiểm tra cụ thể).

1.2. Kiểm tra đột xuất (không thông báo trước thời gian, đối tượng kiểm tra).

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Kiểm tra theo kế hoạch

2.1.1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và trách nhiệm của người đứng đầu sở, ngành, địa phương trong công tác này.

2.1.2. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị, địa phương;

2.1.3. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; công tác giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (kể cả việc xin lỗi cá nhân, tổ chức trong quá trình giải quyết TTHC trễ hạn).

2.1.4. Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính; tình hình tinh giản biên chế và thực hiện phân cấp quản lý nhà nước của đơn vị, địa phương.

2.1.5. Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, địa phương.

2.1.6. Công tác cải cách tài chính công.

2.1.7. Ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2.1.8. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

2.1.9. Một số nội dung khác: Kết quả thực hiện kiến nghị của cử tri liên quan đến công tác CCHC tại kỳ họp HĐND tỉnh được UBND tỉnh giao đơn vị, địa phương thực hiện; kết quả thực hiện kiến nghị của Thường trực HĐND tỉnh và Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh về kết quả giám sát công tác cải cách TTHC...

2.2. Kiểm tra đột xuất

2.2.1. Kiểm tra việc công khai, niêm yết TTHC; việc giải quyết TTHC và tổ chức thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

2.2.2. Kết quả khắc phục những tồn tại, thiếu sót liên quan đến công tác CCHC sau kiểm tra; kết quả thực hiện kiến nghị của Thường trực HĐND tỉnh và Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh về kết quả giám sát công tác cải cách TTHC tại đơn vị, địa phương (nếu có).

3. Phương pháp kiểm tra

3.1. Đoàn kiểm tra

- Làm việc trực tiếp với lãnh đạo các đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan để đánh giá tình hình, kết quả liên quan đến nội dung kiểm tra;

- Yêu cầu cơ quan, địa phương được kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ, báo cáo có liên quan để phục vụ việc kiểm tra;

- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra; trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

3.2. Đơn vị, địa phương được kiểm tra

- Báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC theo đề cương hướng dẫn của Đoàn kiểm tra;

- Cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, hồ sơ, báo cáo liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra (trừ những thông tin, tài liệu quản lý theo chế độ mật).

III. ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Kiểm tra trực tiếp

STT	Tên đơn vị, địa phương	Thời hạn kiểm tra	Thời gian kiểm tra
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Mỗi đơn vị 02 ngày	Tháng 4/2018
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
3	Sở Khoa học và Công nghệ		
4	Sở Giáo dục và Đào tạo		
5	Sở Y tế		
6	Ban Dân tộc		
7	UBND huyện Chư Prông	Mỗi đơn vị 02 ngày	Tháng 5/2018
8	UBND huyện Chư Sê		
9	UBND huyện Đak Đoa		
10	UBND huyện Chư Pưh		
11	UBND huyện Ia Pa		
12	UBND huyện Đak Pơ		
13	UBND huyện Kbang		
14	UBND huyện Kông Chro		

2. Kiểm tra thông qua báo cáo tự kiểm tra

STT	Tên đơn vị, địa phương	Thời gian gửi báo cáo
1	Sở Tư pháp	Trước ngày 25/5/2018 các đơn vị, địa phương hoàn chỉnh báo cáo và gửi về Sở Nội vụ qua địa chỉ hộp thư: cchc.snv@gialai.gov.vn để tổng hợp, báo cáo Đoàn kiểm tra
2	Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Sở Nội vụ	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	
5	Thanh tra tỉnh	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Sở Công thương	

STT	Tên đơn vị, địa phương	Thời gian gửi báo cáo
9	UBND huyện Chư Păh	
10	UBND huyện Mang Yang	
11	UBND huyện Ia Grai	
12	UBND huyện Phú Thiện	
13	UBND thành phố Pleiku	

3. Kiểm tra đột xuất

Thực hiện lồng ghép với hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ, việc chấp hành giờ giấc làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức (không kể kiểm tra khi có đơn thư kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp).

IV. THÀNH PHẦN, NHIỆM VỤ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Thành phần Đoàn kiểm tra

- Đại diện Lãnh đạo các Sở: Nội vụ; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông.
- Đại diện các phòng chuyên môn của các sở, ngành: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh.

2. Nhiệm vụ của thành viên Đoàn kiểm tra

2.1. Sở Nội vụ: Kiểm tra việc thực hiện công tác chỉ đạo điều hành CCHC; công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính; công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh tại các cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu sở, ngành, địa phương trong công tác này.

2.2. Sở Tư pháp: Kiểm tra việc thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị, địa phương.

2.3. Văn phòng UBND tỉnh: Kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách TTHC; trình công bố TTHC, niêm yết công khai TTHC; giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

2.4. Sở Thông tin và Truyền thông: Kiểm tra việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước phục vụ CCHC,

dịch vụ công trực tuyến, việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC qua hệ thống một cửa điện tử, qua dịch vụ bưu chính công ích...

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ: Kiểm tra việc thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2.6. Sở Tài chính: Kiểm tra công tác cải cách tài chính công.

2.7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm tra việc thực hiện các TTHC trong lĩnh vực đất đai, môi trường, đăng ký giao dịch bảo đảm về đất đai, tài sản gắn liền trên đất.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra;

- Chủ trì, tổ chức triển khai công tác kiểm tra; xây dựng, hướng dẫn đề cương báo cáo phục vụ việc kiểm tra; thông báo cụ thể thời gian, địa điểm kiểm tra của Đoàn kiểm tra; mời Báo Gia Lai, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh tham dự, đưa tin tuyên truyền về công tác CCHC tại một số đơn vị, địa phương được kiểm tra;

- Đảm bảo phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ công tác kiểm tra (bố trí từ nguồn kinh phí phục vụ công tác CCHC được UBND tỉnh phân bổ hàng năm);

- Thông báo kết quả kiểm tra, kiến nghị xử lý; phối hợp các sở, ngành liên quan đề xuất UBND tỉnh chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót và kiến nghị, đề xuất các giải pháp để tăng cường, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC trên địa bàn tỉnh;

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra hoặc kết luận kiểm tra tại các đơn vị, địa phương;

- Tổng hợp kết quả kiểm tra tại các đơn vị, địa phương, báo cáo UBND tỉnh trước ngày **12/6/2018** (trường hợp kiểm tra đột xuất thì báo cáo UBND tỉnh trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra đột xuất).

2. Các sở, ngành: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh

- Lập danh sách cử thành viên tham gia Đoàn kiểm tra theo khoản 1, 2 mục IV của Kế hoạch gửi về Sở Nội vụ;

- Chuẩn bị nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của sở, ngành để làm việc với đơn vị, địa phương được kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để thành viên được cử tham gia Đoàn kiểm tra hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Đơn vị, địa phương được kiểm tra

- Báo cáo tình hình, kết quả công tác CCHC của đơn vị, địa phương theo đề cương; gửi báo cáo về Sở Nội vụ trước khi Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra;

- Phối hợp và tạo điều kiện cho Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ;

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp;

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị; báo cáo kết quả thực hiện; chấn chỉnh, khắc phục kịp thời các thiếu sót trong công tác CCHC để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này, kể cả kiến nghị xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện kế hoạch và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành